

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------|
| BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 9 - 41 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Sĩ Hiển | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Thiện Mỹ | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Quyền | Ủy viên |
| Ông Đỗ Hoàng Hải | Ủy viên |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc | Ủy viên |

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------------|
| Bà Nguyễn Thị Hường | Trưởng ban kiểm soát |
| Ông Vũ Tuyên Hoàng | Ủy viên |
| Bà Vũ Thị Hương Quỳnh | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Quyền | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Minh Thu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Thạch | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thiện Mỹ | Phó Tổng Giám đốc |

Người đại diện theo pháp luật

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Quyền | Tổng Giám đốc |

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Ban tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. ✓



Ông NGUYỄN NGỌC QUYỀN

Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2018

00
TY
HỮU
N A
AM
ÁNH
NH
T.P.



Số: 014/2018/BCKT-HT.00019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 06 năm 2018, từ trang 5 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 014/2018/BCKT-HT.00019 ngày 30 tháng 03 năm 2018. Việc phát hành lại được căn cứ trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được điều chỉnh lại khoản trích lập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết. Nội dung khoản trích lập dự phòng đầu tư bị thay đổi do Kiểm toán viên của công ty liên kết phát hành lại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 tại ngày 10 tháng 04 năm 2017.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1788-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2018

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1673-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 57.844.754.887 | 44.246.903.186 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 800.475.607 | 1.587.456.950 |
| Tiền | 111 | | 800.475.607 | 1.587.456.950 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 350.000.000 | 2.690.000.000 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | 4.200.000.000 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | (1.860.000.000) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 350.000.000 | 350.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 56.153.477.744 | 39.129.662.346 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 19.184.752.443 | 3.156.753.595 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 2.255.650.616 | 2.260.650.616 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.5 | 5.328.330.196 | 5.006.330.196 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.6 | 38.307.823.924 | 37.461.007.374 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.7 | (8.923.079.435) | (8.755.079.435) |
| Hàng tồn kho | 140 | | 91.940.108 | 56.329.384 |
| Hàng tồn kho | 141 | 5.8 | 177.666.458 | 142.055.734 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (85.726.350) | (85.726.350) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 448.861.428 | 783.454.506 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.12 | 44.681.752 | 43.809.169 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 404.179.676 | 739.645.337 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 323.936.221.582 | 333.567.844.511 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.764.123.000 | 2.239.142.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.6 | 1.764.123.000 | 2.239.142.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 40.163.701.930 | 41.273.459.027 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.10 | 40.163.701.930 | 41.273.459.027 |
| Nguyên giá | 222 | | 60.314.534.754 | 59.418.390.519 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (20.150.832.824) | (18.144.931.492) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.11 | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | 244.160.000 | 244.160.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (244.160.000) | (244.160.000) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 5.9 | 78.216.133.092 | 78.216.133.092 |
| Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn | 241 | | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 2.314.020.651 | 2.314.020.651 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 202.976.121.872 | 211.287.906.333 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 254.012.011.818 | 241.022.011.818 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 26.870.000.000 | 43.040.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 17.742.000.000 | 18.000.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (95.647.889.946) | (90.774.105.485) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 816.141.688 | 551.204.059 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.12 | 816.141.688 | 551.204.059 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 381.780.976.469 | 377.814.747.697 |


CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ


Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 105.724.661.526 | 102.333.638.458 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 39.784.750.186 | 44.708.128.121 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 9.289.574.833 | 10.513.597.437 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.14 | 110.832.166 | 444.882.166 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.15 | 80.872.885 | 354.480.125 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 1.245.397.534 | 1.790.428.890 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 1.151.681.961 | 149.919.233 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.18 | 360.853.349 | 455.068.070 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 22.350.273.486 | 24.885.585.528 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.19 | 5.194.657.400 | 6.113.560.100 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 606.572 | 606.572 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 65.939.911.340 | 57.625.510.337 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 5.18 | 3.289.069.000 | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.17 | 62.650.842.340 | 55.664.799.937 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.19 | - | 1.960.710.400 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 276.056.314.943 | 275.481.109.239 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.20 | 276.056.314.943 | 275.481.109.239 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 262.061.580.000 | 262.061.580.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 262.061.580.000 | 262.061.580.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | (1.682.000) | (1.682.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.231.903.807 | 1.231.903.807 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 12.764.513.136 | 12.189.307.432 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 12.189.307.432 | 11.235.821.017 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 575.205.704 | 953.486.415 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 381.780.976.469 | 377.814.747.697 |


PHẠM THỊ ĐÀ GIANG
 Người lập biểu


PHẠM THỊ HIẾU
 Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC QUYỀN

Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 38.087.324.518 | 35.656.396.713 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.2 | 166.101.736 | 413.418.400 |
| Doanh thu thuần | 10 | | 37.921.222.782 | 35.242.978.313 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.3 | 23.368.591.672 | 33.207.370.585 |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 14.552.631.110 | 2.035.607.728 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.4 | 1.303.377.303 | 53.140.065.276 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.5 | 3.733.761.480 | 40.756.810.453 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | 353.109.512 | 2.432.305.951 |
| Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 6.6 | 11.381.700.197 | 17.486.440.372 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 740.546.736 | (3.067.577.821) |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 12.695.701 | 4.751.275.063 |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 57.388.246 | 632.816.889 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (44.692.545) | 4.118.458.174 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 695.854.191 | 1.050.880.353 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.9 | 120.648.487 | 97.393.938 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 575.205.704 | 953.486.415 |

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

PHẠM THỊ ĐÀ GIANG
Người lập biểu

PHẠM THỊ HIẾU
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC QUYỀN
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|-----------|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 48.597.304.620 | 139.540.499.835 |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (10.379.568.888) | (73.578.078.285) |
| Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (16.637.288.341) | (14.770.469.900) |
| Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (343.329.476) | (2.687.047.235) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (200.000.000) | (2.248.755.493) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 37.460.334.061 | 456.971.148.592 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (47.115.282.557) | (403.295.368.779) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 11.382.169.419 | 99.931.928.735 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | - | (1.062.323.636) |
| Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | | 20.000.000 | 599.999.999 |
| Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (322.000.000) | (350.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác | 24 | | 2.546.025.000 | 947.833.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (16.940.000.000) | (163.306.638.096) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 4.208.000.000 | 64.000.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.212.461.642 | 4.451.952.533 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (9.275.513.358) | (94.719.176.200) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 8.985.573.700 | 6.518.920.200 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (11.865.186.800) | (132.074.895.900) |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (2.879.613.100) | (125.555.975.700) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | 50 | | (772.957.039) | (120.343.223.165) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 60 | 5.1 | 1.587.456.950 | 122.024.638.757 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (14.024.304) | (93.958.642) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 70 | 5.1 | 800.475.607 | 1.587.456.950 |



PHẠM THỊ ĐÀ GIANG
Người lập biểu



PHẠM THỊ HIẾU
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC QUYÊN
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: **262.061.580.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 26.206.158 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là SDA.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đào tạo và xuất khẩu lao động.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp;
- Dạy nghề;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ tư vấn du học; (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội, ngoại thất;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Mua bán và vận chuyển than;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm, công nghiệp, nông nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Tư vấn thiết kế trang Web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Kinh doanh các sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, các sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ; Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan; Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận uỷ thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận uỷ thác đầu tư liên quan đến hoạt động của các tổ chức tín dụng; kinh doanh bảo hiểm);
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và hoạt động logistics. Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động chính của Công ty là xuất khẩu lao động, đào tạo và cho thuê văn phòng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc công ty

Công ty có trụ sở tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Và các chi nhánh sau:

| STT | Tên Chi nhánh | Địa chỉ |
|-----|---|--|
| 1 | Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh | Số nhà 16, đường Nguyễn Hằng Chi, P. Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh |
| 2 | Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật-Công nghệ Kinh tế SIMCO Sông Đà | Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 02 công ty con sau:

| STT | Tên công ty | Địa chỉ |
|-----|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Hạ tầng SIMCO Sông Đà | Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội. |
| 2 | Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà | Quận Kamayut, khu Yangon, Myanmar |

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 178 người (vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 220 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và chi nhánh. Các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính riêng kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

d. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

e. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

f. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|----------------|------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 35 | 06 - 35 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 10 | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 | 06 - 08 |
| Thiết bị quản lý | 03 | 03 |
| Tài sản cố định khác | 08 | 08 |

4.9 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.12 Tiền lương và các khoản bảo hiểm

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo quy định hiện hành.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16 Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính trong năm là lãi tiền gửi và cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

4.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ ký cược.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.17 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng

Công ty Cổ phần Hạ tầng SIMCO Sông Đà
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển
Công ty CP Hawinco Đầu tư xây dựng Hạ Tầng
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Bên nhận đầu tư
Quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền mặt tồn quỹ | 156.270.769 | 791.246.033 |
| Tiền gửi ngân hàng | 644.204.838 | 796.210.917 |
| Cộng | 800.475.607 | 1.587.456.950 |

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Đầu tư ngắn hạn | 350.000.000 | 350.000.000 | 350.000.000 | 350.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 350.000.000 | 350.000.000 | 350.000.000 | 350.000.000 |
| Cộng | 350.000.000 | 350.000.000 | 350.000.000 | 350.000.000 |

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

b) Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2017 | | | 01/01/2017 | | |
|-----------------------|----------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Tổng giá trị cổ phiếu | - | - | - | 4.200.000.000 | 2.340.000.000 | (1.860.000.000) |
| Cổ phiếu SCI | - | - | - | 4.200.000.000 | 2.340.000.000 | (1.860.000.000) |
| Cộng | - | - | - | 4.200.000.000 | 2.340.000.000 | (1.860.000.000) |

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2017 | | | 01/01/2017 | | |
|--|------------------------|-------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|---------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý (*) VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý (*) VND |
| Đầu tư vào công ty con | 254.012.011.818 | (70.392.278.224) | | 241.022.011.818 | (67.131.592.105) | |
| Công ty CP hữu hạn Myanmar-SIMCO Sông Đà (i) | 107.012.011.818 | (70.329.200.868) | (*) | 107.012.011.818 | (67.124.877.074) | (*) |
| Công ty CP Hạ tầng SIMCO Sông Đà | 147.000.000.000 | (63.077.356) | (*) | 134.000.000.000 | (6.715.031) | (*) |
| Công ty CP Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà | - | - | | 10.000.000 | - | (*) |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 26.870.000.000 | (20.613.611.722) | | 43.040.000.000 | (18.742.513.380) | |
| Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | 2.900.000.000 | (2.393.611.722) | (*) | 2.900.000.000 | (522.513.380) | (*) |
| Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển | 23.970.000.000 | (18.220.000.000) | (*) | 23.970.000.000 | (18.220.000.000) | (*) |
| - <i>Vốn góp của Công ty</i> | 18.220.000.000 | (18.220.000.000) | (*) | 18.220.000.000 | (18.220.000.000) | (*) |
| - <i>Nhận ủy thác của Cán bộ CNV</i> | 5.750.000.000 | - | (*) | 5.750.000.000 | - | (*) |
| Công ty CP Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng (ii) | - | - | (*) | 16.170.000.000 | - | (*) |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 17.742.000.000 | (4.642.000.000) | | 18.000.000.000 | (4.900.000.000) | |
| Ủy thác đầu tư vào Công ty CP Cao su Phú Riềng - Kratie | 3.300.000.000 | (3.300.000.000) | (*) | 3.300.000.000 | (3.300.000.000) | (*) |
| Công ty CP Đầu Tư Vĩnh Sơn | 2.100.000.000 | - | (*) | 2.100.000.000 | - | (*) |
| Ủy thác đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà | 1.100.000.000 | (1.100.000.000) | (*) | 1.100.000.000 | (1.100.000.000) | (*) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | 31/12/2017 | | | 01/01/2017 | | |
|--|------------------------|-------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý (*) VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý(*) VND |
| Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị & KCN Sông Đà Miền Trung (iii) | 242.000.000 | (242.000.000) | (*) | 500.000.000 | (500.000.000) | (*) |
| Công ty CP khoáng sản SIMCO - FANSIPAN | 11.000.000.000 | - | (*) | 11.000.000.000 | - | (*) |
| Cộng | 298.624.011.818 | (95.647.889.946) | | 302.062.011.818 | (90.774.105.485) | |

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Trong số trích lập dự phòng 70.392.278.224 VND tại ngày 31/12/2017 của khoản đầu tư vào Công ty CP Hữu hạn Myanmar – SIMCO Sông Đà đã bao gồm 31.813.675.836 VND là dự phòng theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Thương mại XNK Hoàng Liên Sơn và Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang được thuyết minh tại mục 5.6

(ii) Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng theo Nghị quyết số 46/SIMCO-HĐQT ngày 28 tháng 09 năm 2016 của Hội đồng quản trị

(iii) Trong năm 2017, Công ty đã nhận được tiền hoàn trả một phần vốn góp đầu tư của Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị & KCN Sông Đà Miền Trung. Do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị & KCN Sông Đà Miền Trung đang thực hiện hoàn trả vốn góp cho các cổ đông để làm thủ giải thể doanh nghiệp. Khoản đầu tư này đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

Thông tin về các công ty con của Công ty

| Tên công ty con | Nơi thành lập hoặc đăng ký hoạt động | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|--|--------------------------------------|--------------|------------------------|---|
| Công ty CP hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà (1) | Myanmar | 100,00% | 100,00% | Khai thác khoáng sản |
| Công ty CP Hạ tầng SIMCO Sông Đà (2) | Hà Nội | 98% | 98% | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ |
| Công ty CP Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà (3) | Hà Nội | 60% | 60% | Cung ứng và quản lý nguồn lao động |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (1) Đây là khoản đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC2 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 02 tháng 03 năm 2015 cho phép Công ty CP Simco Sông Đà thành lập Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà hoạt động tại Myanmar. Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 USD, tương đương 381.087.000.000 VND. Trong đó Vốn đầu tư bằng nguồn tự có của nhà đầu tư là 6.000.000 USD tương đương 126 tỷ VND. Vốn đầu tư bằng nguồn vốn vay là 12.147.000 USD tương đương 225.087.000.000 VND. Tại thời điểm 30.06.2017, Công ty đã đầu tư 107.012.011.818 VND, số vốn còn phải đầu tư là 274.074.988.182 VND. Trong đó, phần vốn góp của Công ty là 58.604.729.885 VND, phần vốn góp nhận ủy thác đầu tư là 48.407.281.933 VND.

Ngày 25 tháng 04 năm 2017, Công ty CP Simco Sông Đà đã ủy quyền cho Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang (Viettranimex) tiếp nhận toàn bộ kế hoạch và triển khai tiếp Dự án khai thác mỏ đá Marble tại Myanmar. Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang sẽ tiếp nhận toàn bộ tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất, sổ sách tài liệu nguyên trạng mỏ đá, số lượng đá đã khai thác và có trách nhiệm quản lý vận hành và hoạt động sản xuất - kinh doanh đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- (2) Theo Nghị quyết số 30/SIMCO-HĐQT ngày 06 tháng 06 năm 2016 về việc thành lập Công ty CP Hạ tầng SIMCO Sông Đà và nghị quyết số 37/SIMCO-HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2016 về việc thay đổi phương án thành lập Công ty CP Hạ tầng SIMCO Sông Đà, Công ty CP Hạ tầng SIMCO Sông Đà đã được thành lập với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng, trong đó Công ty CP Simco Sông Đà góp 98% vốn điều lệ.
- (3) Theo Nghị quyết số 48/SIMCO-HĐQT ngày 17/10/2016 về việc thành lập Công ty CP Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà với vốn điều lệ 5 tỷ đồng, trong đó Công ty CP Simco Sông Đà cam kết góp 60% vốn điều lệ. Tuy nhiên, đến ngày 14/03/2017 Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT về việc thoái toàn bộ số vốn đầu tư tại Công ty CP Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà. Sau khi thực hiện thoái vốn Công ty CP Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà không là công ty con của Công ty.

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017

| Tên Công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|-----------------------------------|--------------|------------------------|---|
| Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | 35,83% | 35,83% | Sản xuất, kinh doanh phần mềm tư vấn thiết kế trong lĩnh vực CNTT |
| Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển (*) | Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội | 42,80% | 42,80% | Sản xuất, kinh doanh các loại rượu |

(*) Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển đã dừng hoạt động từ năm 2013

Thông tin về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2017

| Tên Công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|-----------------------------------|--------------|------------------------|---------------------------------------|
| Công ty CP Cao su Phú Riêng - Kratie | Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước | (*) | (*) | Sản xuất sản phẩm từ cao su |
| Công ty CP Đầu Tư Vĩnh Sơn | Huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội | 1,10% | 1,10% | Sản xuất truyền tải và phân phối điện |
| Công ty CP Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà | Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội | (*) | (*) | Sản xuất nhà các loại |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | | | | |
|--|---------------------------------|--------|--------|--|
| Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị & KCN Sông Đà Miền Trung | Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | 0,54% | 0,54% | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng |
| Công ty CP khoáng sản SIMCO - FANSIPAN | Thành phố Yên Bái tỉnh Yên Bái | 21,31% | 18,33% | Khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá |

(*) Đây là các khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà. Các khoản đầu tư này đều đã được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 100%.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | | |
| Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | 258.674.388 | 358.674.388 |
| Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển (*) | 1.976.354.222 | 1.976.354.222 |
| Phải thu của các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Công ty CP May Xuất khẩu Sông Đà | 310.000.000 | 310.000.000 |
| Lê Tuấn Việt (**) | 16.023.000.000 | - |
| Nguyễn Lê Hà | 116.250.000 | - |
| Các khách hàng khác | 500.473.833 | 511.724.985 |
| Tổng cộng | 19.184.752.443 | 3.156.753.595 |

(*) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu của Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển do Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển đã dừng hoạt động

(**) Đây là khoản phải thu về giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng trong năm.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Công ty CP XD nhà ở Hải Phòng | 1.149.566.562 | 1.149.566.562 |
| Trung tâm Nghiên cứu địa kỹ thuật | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Công ty CP Thiết bị Công trình Hoàng Anh | 560.000.000 | 560.000.000 |
| Các tổ chức, cá nhân khác | 246.084.054 | 251.084.054 |
| Cộng | 2.255.650.616 | 2.260.650.616 |

5.5 Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Phải thu của các bên liên quan | | |
| Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển (i) | 5.006.330.196 | 5.006.330.196 |
| Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà (ii) | 322.000.000 | - |
| Cộng | 5.328.330.196 | 5.006.330.196 |

(i) Các khoản cho vay có thời hạn từ 3 đến 6 tháng với lãi suất 0%/năm. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị khoản cho vay do Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển đã dừng hoạt động.

(ii) Đây là khoản cho Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà vay có thời hạn 12 tháng và lãi suất 0%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Các khoản phải thu khác

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| a. Ngắn hạn | 38.307.823.924 | (960.746.452) | 37.461.007.374 | (960.746.452) |
| Tạm ứng | 4.222.295.402 | - | 4.507.665.850 | - |
| Phải thu về lãi cho vay | 406.963.130 | - | 291.720.592 | - |
| Phải thu khác | 33.678.565.392 | (960.746.452) | 32.661.620.932 | (960.746.452) |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà | 550.000.000 | (550.000.000) | 550.000.000 | (550.000.000) |
| - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona | 500.000.000 | - | 500.000.000 | - |
| - Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà | 15.000.000 | - | 10.000.000 | - |
| - Công ty CP Khoáng sản Simco Fansipan | 15.000.000 | - | - | - |
| - Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư (i) | 31.813.675.836 | - | 30.364.188.039 | - |
| - Phải thu khác | 784.889.556 | (410.746.452) | 1.237.432.893 | (410.746.452) |
| b. Dài hạn | 1.764.123.000 | - | 2.239.142.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 1.764.123.000 | - | 2.239.142.000 | - |
| Tổng cộng | 40.071.946.924 | (960.746.452) | 39.700.149.374 | (960.746.452) |

(i) Đây là khoản lỗ theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của Công ty CP TM XNK Hoàng Liên Sơn và Công ty CP Xuất NK Việt Trang theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký với Công ty CP SIMCO Sông Đà ngày 02 tháng 04 năm 2013.

5.7 Nợ xấu

| | 31/12/2017 | | | 01/01/2017 | | |
|--|-----------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------|
| | Thời gian quá hạn VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển | > 3 năm | 6.982.684.418 | - | > 3 năm | 6.982.684.418 | - |
| - Phải thu cho vay | > 3 năm | 5.006.330.196 | - | > 3 năm | 5.006.330.196 | - |
| - Phải thu khác | > 3 năm | 1.976.354.222 | - | > 3 năm | 1.976.354.222 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà | > 3 năm | 550.000.000 | - | > 3 năm | 550.000.000 | - |
| Công ty CP Hoàng Anh | > 3 năm | 560.000.000 | - | > 3 năm | 560.000.000 | 168.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | > 3 năm | 830.395.017 | - | > 3 năm | 830.395.017 | - |
| Cộng | | 8.923.079.435 | - | | 8.923.079.435 | 168.000.000 |

5.8 Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|-----------------------|--------------------|---------------------|--------------------|---------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 35.918.401 | - | 31.876.134 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 8.125.343 | - | 8.906.886 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 133.622.714 | (85.726.350) | 101.272.714 | (85.726.350) |
| Cộng | 177.666.458 | (85.726.350) | 142.055.734 | (85.726.350) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Dự án tòa nhà Simco Tower | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 |
| Cộng | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 |

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội có tổng mức đầu tư là 351,78 tỷ đồng căn cứ Quyết định số 278/2011/HĐQT ngày 08/02/2011 của Hội đồng quản trị với phương án thi công 12 tầng và 01 tầng hầm và có kết cấu móng nhà được tính cho công trình 21 tầng. Tại thời điểm 31/12/2017 giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất. Công ty đang xây dựng phương án triển khai và điều chỉnh quy hoạch. Dự án sẽ được triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt phương án điều chỉnh và Công ty thu xếp được vốn đầu tư.

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp | 2.314.020.651 | 2.314.020.651 |
| Cộng | 2.314.020.651 | 2.314.020.651 |

Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp có tổng mức đầu tư dự kiến là 3.088,2 tỷ đồng và được thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong vòng 24 tháng kể từ Quý III/2018 đến Quý III/2020. Việc thi công xây dựng dự án sẽ được thực hiện sau khi Công ty làm việc với UBND Thành phố Hà Nội, Sở quy hoạch Kiến trúc Hà Nội, Viện quy hoạch Hà Nội về việc cập nhật quy hoạch vùng và quy hoạch chung của huyện Thường Tín để điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Khu công nghiệp và đền bù, hỗ trợ, di dời giải phóng mặt bằng...

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định khác VND | Cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|--------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2017 | 56.289.798.605 | 1.459.885.727 | 1.139.141.636 | 223.738.551 | 305.826.000 | 59.418.390.519 |
| Tăng trong năm | 977.962.235 | - | - | - | - | 977.962.235 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (81.818.000) | - | - | (81.818.000) |
| Vào ngày 31/12/2017 | 57.267.760.840 | 1.459.885.727 | 1.057.323.636 | 223.738.551 | 305.826.000 | 60.314.534.754 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2017 | 16.134.323.283 | 1.435.201.991 | 157.340.699 | 223.738.551 | 194.326.968 | 18.144.931.492 |
| Khấu hao trong năm | 1.830.051.505 | 15.946.321 | 183.720.599 | - | 38.228.256 | 2.067.946.681 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (62.045.349) | - | - | (62.045.349) |
| Vào ngày 31/12/2017 | 17.964.374.788 | 1.451.148.312 | 279.015.949 | 223.738.551 | 232.555.224 | 20.150.832.824 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2017 | 40.155.475.322 | 24.683.736 | 981.800.937 | - | 111.499.032 | 41.273.459.027 |
| Vào ngày 31/12/2017 | 39.303.386.052 | 8.737.415 | 778.307.687 | - | 73.270.776 | 40.163.701.930 |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 32.015.225.084 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.522.506.831 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Phân mềm VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-----------------|-------------|
| Nguyên giá | | |
| Vào ngày 01/01/2017 | 244.160.000 | 244.160.000 |
| Tăng trong năm | - | - |
| Vào ngày 31/12/2017 | 244.160.000 | 244.160.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Vào ngày 01/01/2017 | 244.160.000 | 244.160.000 |
| Khấu hao trong năm | - | - |
| Vào ngày 31/12/2017 | 244.160.000 | 244.160.000 |
| Giá trị còn lại | | |
| Vào ngày 01/01/2017 | - | - |
| Vào ngày 31/12/2017 | - | - |

5.12 Chi phí trả trước

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| a) Chi phí trả trước ngắn hạn | | |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 44.681.752 | 37.030.627 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | - | 6.778.542 |
| Cộng | 44.681.752 | 43.809.169 |
| b) Chi phí trả trước dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa cải tạo | 196.144.088 | 184.890.690 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 296.709.286 | 333.166.887 |
| Thuế GTGT không được khấu trừ | 318.151.964 | - |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 5.136.350 | 33.146.482 |
| Cộng | 816.141.688 | 551.204.059 |

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Công ty CP XD nhà ở Hải Phòng | 1.281.972.819 | 1.281.972.819 | 1.281.972.819 | 1.281.972.819 |
| Xí nghiệp XD Thành Công | 1.108.904.513 | 1.108.904.513 | 1.033.490.240 | 1.033.490.240 |
| Công ty TNHH Hải Ngọc | 1.112.167.150 | 1.112.167.150 | 1.112.167.150 | 1.112.167.150 |
| Công ty CP Xây Lắp và TM Hợp Lực | 649.014.603 | 649.014.603 | 649.014.603 | 649.014.603 |
| Đối tượng khác | 5.137.515.748 | 5.137.515.748 | 6.436.952.625 | 6.436.952.625 |
| Cộng | 9.289.574.833 | 9.289.574.833 | 10.513.597.437 | 10.513.597.437 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14 Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Cục quản lý lao động ngoài nước | - | 334.500.000 |
| Nhận ứng trước tiền thi công xây lắp của UBND thành phố Hà Tĩnh | 110.382.166 | 110.382.166 |
| Công ty Việt Nhật | 450.000 | - |
| Cộng | <u>110.832.166</u> | <u>444.882.166</u> |

5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2017 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 31/12/2017 |
|--|--------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế GTGT | 47.917.748 | - | 37.028.822 | 10.888.926 |
| Thuế TNDN | 113.507.360 | 1.039.857.156 | 1.119.208.669 | 34.155.847 |
| Thuế TNCN | 59.715.900 | 60.008.323 | 119.724.223 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 133.339.117 | | 97.511.005 | 35.810.112 |
| Các loại thuế khác | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 1.400.000 | 1.400.000 | - |
| Cộng | <u>354.480.125</u> | <u>1.105.265.479</u> | <u>1.378.890.719</u> | <u>80.872.885</u> |

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | - | 31.119.233 |
| Tiền ăn ca | 49.720.000 | |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 237.600.000 | 118.800.000 |
| Phí dịch vụ tư vấn | 110.000.000 | |
| Chi phí công tác đi nước ngoài của phòng xuất khẩu lao động | 719.242.728 | - |
| Chi phí phải trả ngắn hạn khác | 35.119.233 | - |
| Cộng | <u>1.151.681.961</u> | <u>149.919.233</u> |

5.17 Phải trả khác

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải trả ngắn hạn khác | | |
| Kinh phí công đoàn | 336.451.320 | 404.478.750 |
| Bảo hiểm xã hội | 113.744.595 | 240.315.576 |
| Bảo hiểm y tế | - | 42.741.202 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 18.442.243 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 10.455.000 | 10.455.000 |
| Cổ tức năm 2011 và năm 2013 | 17.034.235.140 | 17.034.235.140 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 4.855.387.431 | 7.134.917.617 |
| - Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện dự án nhà Vạn Phúc | 660.000.000 | 675.000.000 |
| - Phải trả hoạt động xuất khẩu lao động | 376.685.275 | 4.954.186.461 |
| - Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động | 260.144.279 | 168.691.330 |
| - Quỹ tự nguyện cán bộ CNV | 91.246.424 | 45.161.051 |
| - Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN | 722.635.000 | 722.635.000 |
| - Đối tượng khác | 2.744.676.453 | 569.243.775 |
| | <u>22.350.273.486</u> | <u>24.885.585.528</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

b) Phải trả dài hạn khác

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 993.560.407 | 1.507.518.004 |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 61.657.281.933 | 54.157.281.933 |
| - Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển | 5.750.000.000 | 5.750.000.000 |
| - Nhận ủy thác đầu tư vào Công Cổ phần hữu hạn Myanmar – SIMCO Sông Đà (*) | 48.407.281.933 | 48.407.281.933 |
| - Công ty CP Đầu tư HaFa (**) | 4.000.000.000 | - |
| - Công ty CP Phát triển nhân lực Simco Sông Đà (**) | 3.500.000.000 | - |
| Tổng cộng | 62.650.842.340 | 55.664.799.937 |

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư ký giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang. Các bên thỏa thuận ký hợp đồng này để cùng nhau góp vốn thực hiện Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá Marble - mỏ Nayputaung - Bang Rakhine - Myanmar ("Dự án"). Theo đó, các bên sẽ cùng nhau điều hành, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và cùng nhau chia sẻ lợi nhuận / rủi ro từ tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (Công ty cổ phần hữu hạn được thành lập để thực hiện Dự án khai thác đá Marble tại Myanmar).

Thời hạn hoạt động của Dự án là 20 năm theo Giấy phép đầu tư đã được cấp và tự động điều chỉnh thành 50 năm theo Luật đầu tư nước ngoài của Myanmar. Thời hạn hoạt động của Dự án có thể được kéo dài hơn theo Luật đầu tư nước ngoài của Myanmar.

Tổng mức đầu tư của Dự án là 18.147.000 USD, trong đó tỷ lệ phần vốn góp của các bên như sau:

- Công ty Cổ phần Simco Sông Đà góp 30%;
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn góp 30%;
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang góp 40%.

Góp vốn giai đoạn 1: 5.000.000 USD, trong đó:

- Công ty Cổ phần Simco Sông Đà góp 30% tương ứng 1.500.000 USD;
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn góp 30% tương ứng 1.500.000 USD;
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang góp 40% tương ứng 2.000.000 USD.

Phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh:

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật Myanmar và Việt Nam, Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
- Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà có lãi. Việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà.

Đến thời điểm hiện tại, tổng số vốn góp của các bên là 5.055.431,65 USD, vốn góp thực tế của các bên đã được thống nhất như sau:

- Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã góp 58.604.729.885 VND (2.768.588,32 USD) tương đương 55%;
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang đã góp 48.407.281.933 VND (2.286.843,33 USD) tương đương 45%.

(**) Đây là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1403/HĐHTĐ ngày 14/03/2017 giữa Công ty CP Simco Sông Đà với Công ty CP Đầu tư HaFa và Công ty CP Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà để thực hiện hợp tác kinh doanh đầu tư Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà. Thời gian hợp tác đầu tư theo thời hạn hoạt động còn lại của Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

| | | |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức năm 2011 và năm 2013 | 17.034.235.140 | 17.034.235.140 |
| Tổng cộng | 17.034.235.140 | 17.034.235.140 |

Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn: Do Công ty đã sử dụng nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013 đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đá marble tại Myanmar. Dự án đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, nhưng gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ hàng nên chưa thu hồi được vốn đầu tư giai đoạn 1. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng dự án để thu hồi vốn đầu tư nên chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | |
| Phí dịch vụ đào tạo | 17.572.000 | 50.380.000 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng, cơ sở vật chất | 343.281.349 | 404.688.070 |
| Cộng | 360.853.349 | 455.068.070 |
| b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | | |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 3.289.069.000 | - |
| Cộng | 3.289.069.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

| | 01/01/2017 | | Trong kỳ | | 31/12/2017 | |
|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Vay ngắn hạn | 4.390.486.100 | 4.390.486.100 | 8.871.540.900 | 10.447.579.800 | 2.814.447.200 | 2.814.447.200 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (1) | 2.997.486.100 | 2.997.486.100 | 4.751.540.900 | 5.377.579.800 | 2.371.447.200 | 2.371.447.200 |
| Nguyễn Thị Minh Thu | - | - | 1.100.000.000 | 1.100.000.000 | - | - |
| Trịnh Hữu Thảo | 950.000.000 | 950.000.000 | - | 950.000.000 | - | - |
| Nguyễn Sỹ Hiến | - | - | 500.000.000 | 500.000.000 | - | - |
| Nguyễn Thị Hồng Ngọc | - | - | 500.000.000 | 500.000.000 | - | - |
| Nguyễn Thị Thúy Loan | - | - | 520.000.000 | 520.000.000 | - | - |
| Nguyễn Thị Thủy | - | - | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - | - |
| Nguyễn Thế Lâm (2) | 443.000.000 | 443.000.000 | - | - | 443.000.000 | 443.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 1.723.074.000 | 1.723.074.000 | 2.074.743.200 | 1.417.607.000 | 2.380.210.200 | 2.380.210.200 |
| Cộng | 6.113.560.100 | 6.113.560.100 | 10.946.284.100 | 11.865.186.800 | 5.194.657.400 | 5.194.657.400 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| Vay dài hạn cá nhân (3) | 1.960.710.400 | 1.960.710.400 | 114.032.800 | 2.074.743.200 | - | - |
| Cộng | 1.960.710.400 | 1.960.710.400 | 114.032.800 | 2.074.743.200 | - | - |

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/178138/HĐTĐ ngày 30 tháng 06 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 3,5 tỷ đồng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay được xác định theo từng lần nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng; tài sản đảm bảo tiền vay là tòa nhà SIMCO Sông Đà.

(2) Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm với lãi suất từ 0%/năm – 4%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(3) Bao gồm các khoản vay cá nhân theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng 1 lần và ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6 bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo.

5.20 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**a) Bảng biến động**

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|-------------------------|------------------------------|---------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Số dư 01/01/2016 | 262.061.580.000 | (1.682.000) | 1.231.903.807 | 11.235.821.017 | 274.527.622.824 |
| Tăng vốn trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm | - | - | - | 953.486.415 | 953.486.415 |
| Số dư 31/12/2016 | 262.061.580.000 | (1.682.000) | 1.231.903.807 | 12.189.307.432 | 275.481.109.239 |
| Số dư 01/01/2017 | 262.061.580.000 | (1.682.000) | 1.231.903.807 | 12.189.307.432 | 275.481.109.239 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 575.205.704 | 575.205.704 |
| Số dư 31/12/2017 | 262.061.580.000 | (1.682.000) | 1.231.903.807 | 12.764.513.136 | 276.056.314.943 |

Chi tiết cổ đông góp vốn tính đến ngày 31/12/2017 như sau:

| Cổ đông | Chức vụ | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---------------------|-------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Giá trị vốn góp VND | Tỷ lệ % | Giá trị vốn góp VND | Tỷ lệ % |
| Nguyễn Sĩ Hiền | Chủ tịch HĐQT | 6.467.220.000 | 2,47% | 20.781.000.000 | 7,93% |
| Nguyễn Thị Minh Thu | Phó Tổng giám đốc | 4.863.000.000 | 1,86% | - | - |
| Cổ đông khác | | 250.729.680.000 | 95,669% | 241.278.900.000 | 92,069% |
| Cổ phiếu quỹ | | 1.680.000 | 0,001% | 1.680.000 | 0,001% |
| Tổng cộng | | 262.061.580.000 | 100% | 262.061.580.000 | 100% |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 262.061.580.000 | 262.061.580.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 262.061.580.000 | 262.061.580.000 |
| - Cổ tức lợi nhuận đã chia | - | - |

c) Cổ Phiếu

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.206.158 | 26.206.158 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 26.206.158 | 26.206.158 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 26.206.158 | 26.206.158 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 168 | 168 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 168 | 168 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 26.205.990 | 26.205.990 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 26.205.990 | 26.205.990 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: 0
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---------------------------|------------|------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| Tiền mặt | | |
| USD | 97,00 | 97,00 |
| JPY | 143,00 | 85.143,00 |
| MMK | 645.200,00 | 645.200 |
| Tiền gửi ngân hàng | | |
| USD | 540,68 | 1.722,71 |
| JPY | 136.929,00 | 2.360,291 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng | 2.160.136.364 | - |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 35.927.188.154 | 34.858.869.418 |
| - <i>Doanh thu xuất khẩu lao động</i> | 30.794.077.111 | 29.435.031.338 |
| - <i>Doanh thu dịch vụ khác</i> | 5.133.111.043 | 5.423.838.080 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | - | 797.527.295 |
| Cộng | 38.087.324.518 | 35.656.396.713 |

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 166.101.736 | 413.418.400 |
| Cộng | 166.101.736 | 413.418.400 |

6.3 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn hàng bán | 46.500.000 | - |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 23.322.091.672 | 22.064.018.337 |
| - <i>Giá vốn dịch vụ xuất khẩu lao động</i> | 21.719.625.644 | 19.022.793.956 |
| - <i>Giá vốn dịch vụ khác</i> | 1.602.466.028 | 3.041.224.381 |
| Giá vốn hợp đồng xây dựng | - | 11.057.625.898 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | 85.726.350 |
| Cộng | 23.368.591.672 | 33.207.370.585 |

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi | 502.512.303 | 2.007.505.092 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | 650.000.000 | 49.954.308.084 |
| Cổ tức được chia | 150.000.000 | 1.170.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 865.000 | 8.252.100 |
| Cộng | 1.303.377.303 | 53.140.065.276 |

6.5 Chi phí tài chính

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay | 353.109.512 | 2.432.305.951 |
| Lỗ thanh lý các khoản đầu tư | 1.800.975.000 | 420.480.000 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 14.024.304 | 463.600 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm | - | 93.958.642 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư | (2.118.000.000) | - |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | 3.682.296.664 | 37.511.407.446 |
| Chi phí tài chính khác | 1.356.000 | 298.194.814 |
| Cộng | 3.733.761.480 | 40.756.810.453 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.969.424.081 | 8.350.267.219 |
| Chi phí dự phòng | 168.000.000 | 5.529.076.648 |
| Các khoản chi phí QLDN khác | 4.244.276.116 | 3.607.096.505 |
| Cộng | 11.381.700.197 | 17.486.440.372 |

6.7 Thu nhập khác

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--------------------------------------|-------------------|----------------------|
| Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ (*) | 227.349 | 327.272.727 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | - | 1.900.500.000 |
| Các khoản nợ không phải trả | - | 2.518.405.064 |
| Thu nhập khác | 12.468.352 | 5.097.272 |
| Cộng | 12.695.701 | 4.751.275.063 |

(*) Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ là phần chênh lệch giữa tiền thu từ bán thanh lý TSCĐ là 20.000.000 VND và giá trị còn lại của TSCĐ là 19.772.651 VND.

6.8 Chi phí khác

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|-------------------|--------------------|
| Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ | - | 26.727.475 |
| Các khoản bị phạt | 57.388.246 | 606.089.335 |
| Chi phí khác | - | 79 |
| Cộng | 57.388.246 | 632.816.889 |

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Lợi nhuận trước thuế theo kế toán | 695.854.191 | 1.050.880.353 |
| Điều chỉnh các khoản tăng/ (giảm) lợi nhuận | (92.611.754) | (563.910.665) |
| Lợi nhuận tính thuế trong kỳ | 603.242.437 | 486.969.688 |
| Lỗ các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 603.242.437 | 486.969.688 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 120.648.487 | 97.393.938 |

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 726.801.245 | 961.874.336 |
| Chi phí nhân công | 18.561.745.867 | 21.296.420.970 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.067.946.681 | 1.999.107.680 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.223.570.288 | 11.390.853.428 |
| Chi phí khác | 6.217.510.495 | 8.943.702.447 |
| Cộng | 38.797.574.576 | 44.591.958.861 |

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | 2.609.300.100 | 2.819.848.400 |

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**Giao dịch với các bên liên quan**

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Doanh thu cho Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà thuê văn phòng | 269.721.396 | 305.663.074 |
| Cho Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà vay | 322.000.000 | - |

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Công ty CP Hữu hạn Myanmar – SIMCO Sông Đà | | |
| - Phải thu về lãi cho vay | - | 233.789.292 |
| - Phải thu khác | 406.963.130 | - |
| Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà | | |
| - Phải thu khác | 15.000.000 | 10.000.000 |
| - Phải thu về cho vay | 322.000.000 | - |
| Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển | | |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 1.976.354.222 | 1.976.354.222 |
| - Phải thu về cho vay ngắn hạn | 5.006.330.196 | 5.006.330.196 |
| Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | | |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 258.674.388 | 358.674.388 |
| Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN | | |
| - Phải trả ngắn hạn khác | 722.635.000 | 722.635.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.3 Báo cáo bộ phận

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

7.4 Công cụ tài chính

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công ty chịu rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | | |
| Phải trả người bán | 9.289.574.833 | - | - | 9.289.574.833 |
| Chi phí phải trả | 1.151.681.961 | - | - | 1.151.681.961 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 21.900.077.571 | 62.650.842.340 | - | 84.550.919.911 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 5.194.657.400 | - | - | 5.194.657.400 |
| | 37.535.991.765 | 62.650.842.340 | - | 100.186.834.105 |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2017 | | | | |
| Phải trả người bán | 10.513.597.437 | - | - | 10.513.597.437 |
| Chi phí phải trả | 149.919.233 | - | - | 149.919.233 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 24.885.585.528 | 55.664.799.937 | - | 80.550.385.465 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 6.113.560.100 | 1.960.710.400 | - | 8.074.270.500 |
| | 41.662.662.298 | 57.625.510.337 | - | 99.288.172.635 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 800.475.607 | - | - | 800.475.607 |
| Phải thu khách hàng | 19.184.752.443 | - | - | 19.184.752.443 |
| Các khoản phải thu khác | 39.413.858.718 | 1.764.123.000 | - | 41.177.981.718 |
| Đầu tư khác | 350.000.000 | 17.742.000.000 | - | 18.092.000.000 |
| | 59.399.086.768 | 19.506.123.000 | - | 79.255.209.768 |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2017 | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 1.587.456.950 | - | - | 1.587.456.950 |
| Phải thu khách hàng | 3.156.753.595 | - | - | 3.156.753.595 |
| Các khoản phải thu khác | 42.817.337.570 | 2.239.142.000 | - | 45.056.479.570 |
| Đầu tư khác | 4.550.000.000 | 18.000.000.000 | - | 22.550.000.000 |
| | 52.111.548.115 | 20.239.142.000 | - | 72.350.690.115 |

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

- Công ty thế chấp tài sản là tòa nhà SIMCO Sông Đà tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đảm bảo các khoản vay; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 800.475.607 | 1.587.456.950 | 800.475.607 | 1.587.456.950 |
| Phải thu khách hàng | 19.184.752.443 | 3.156.753.595 | 17.208.398.221 | 1.180.399.373 |
| Các khoản phải thu khác | 41.177.981.718 | 45.056.479.570 | 39.405.586.701 | 43.284.084.553 |
| Đầu tư khác | 18.092.000.000 | 22.550.000.000 | 13.192.000.000 | 16.140.000.000 |
| | 79.255.209.768 | 72.350.690.115 | 70.606.460.529 | 62.191.940.876 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 9.289.574.833 | 10.513.597.437 | 9.289.574.833 | 10.513.597.437 |
| Chi phí phải trả | 1.151.681.961 | 149.919.233 | 1.151.681.961 | 149.919.233 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 84.550.919.911 | 80.550.385.465 | 84.550.919.911 | 80.550.385.465 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 5.194.657.400 | 8.074.270.500 | 5.194.657.400 | 8.074.270.500 |
| | 100.186.834.105 | 99.288.172.635 | 100.186.834.105 | 99.288.172.635 |

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Năm 2017, Công ty thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ gián tiếp sang trực tiếp. Theo đó, thông tin so sánh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 đã được Công ty lập lại dựa trên số liệu theo dõi thực tế và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lập theo phương pháp gián tiếp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Trong năm 2017, Công ty thực hiện điều chỉnh lại một số chỉ tiêu tại ngày 01/01/2017 trên Bảng cân đối kế toán để phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ và có thể so sánh, chi tiết như sau :

| Chỉ tiêu | Mã số | Tại ngày | Tại ngày | Chênh lệch |
|-----------------------------------|-------|--------------------------------------|-------------------|------------------|
| | | 31/12/2016 (Đã điều chỉnh) VND | 31/12/2016 VND | |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 37.461.007.374 | 7.096.819.335 | 30.364.188.039 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | (90.774.105.485) | (60.409.917.446) | (30.364.188.039) |

9. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Trong năm 2017, Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển nhân lực SIMCO Sông Đà theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 14/03/2017. Sau khi thực hiện thoái vốn, Công ty CP Phát triển nhân lực SIMCO Sông Đà không còn là công ty con của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Công ty liên kết là Công ty CP Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị số 46/SIMCO-HĐQT ngày 28 tháng 09 năm 2016. Sau khi thực hiện thoái vốn, Công ty CP Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng không còn là công ty liên kết của Công ty.

Ngày 25 tháng 04 năm 2017, Công ty CP Simco Sông Đà đã ủy quyền cho Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang (Viettranimex) tiếp nhận toàn bộ kế hoạch và triển khai tiếp Dự án khai thác mỏ đá Marble tại Myanmar. Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang sẽ tiếp nhận toàn bộ tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất, sổ sách tài liệu nguyên trạng mỏ đá, số lượng đá đã khai thác và có trách nhiệm quản lý vận hành và hoạt động sản xuất - kinh doanh đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

10. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.



PHẠM THỊ ĐÀ GIANG
Người lập biểu



PHẠM THỊ HIẾU
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC QUYỀN
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2018